

Số: 03 /KH-UBND

Nguyễn Du, ngày 05 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số xã Nguyễn Du năm 2026

Căn cứ Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 ban hành Chương trình phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thực hiện chuyển đổi số tỉnh Hưng Yên năm 2026.

Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Du ban hành Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn xã năm 2026, với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Bám sát các chủ trương, mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại các Nghị quyết, Kế hoạch, Quyết định của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã và điều kiện thực tế của địa phương để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, sáng tạo, đột phá, thiết thực và khả thi, đảm bảo triển khai đồng bộ, đạt kết quả cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền 02 cấp;

- Nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao các chỉ số cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn xã.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Thể chế, chính sách số

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách phục chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, xây dựng Chính quyền số, Chuyển đổi số trên địa bàn xã.

2.2. Phát triển hạ tầng số

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Nhà nước đảm bảo thông suốt, hoạt động ổn định.

- Đầu tư, nâng cấp, duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin.

2.3. Phát triển Chính quyền số

100% văn bản điện tử được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước) khi gửi, nhận trên môi trường mạng.

100% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo.

- Tiếp tục thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trên môi trường số.

- Thực hiện xác thực điện tử bằng chữ ký số để đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu trong các giao dịch của hoạt động công vụ trên môi trường số, qua đó nâng cao độ tin cậy của dữ liệu và tăng tính công khai, minh bạch

2.4. Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100 %.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%

- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 100 %

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên cổng/trang thông tin điện tử theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

2.5. Phát triển nền tảng số

- Ứng dụng danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội. Thực hiện xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng của các ngành; thực hiện chia sẻ, kết nối với các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành.

2.6. Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).

- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 80%.
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt tối thiểu 60 %.
- Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

2.7. Đảm bảo an toàn thông tin, phát triển nguồn nhân lực, đào tạo, tập huấn và tuyên truyền

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng trang thiết bị bảo mật cho các hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về An toàn thông tin theo quy định.
- Ban hành quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng. Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng cơ bản về kỹ năng số, an toàn thông tin.

II. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức số

- Tiếp tục thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (truyền thanh, truyền hình, báo điện tử, mạng xã hội, ...)
- Tổng hợp những cách làm điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn xã để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng những mô hình hiệu quả về thực hiện chuyển đổi số.

2. Xây dựng thể chế số

- Xây dựng, ban hành, thể chế các chính sách, văn bản của tỉnh theo quy định nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trên địa bàn xã.
- Thường xuyên rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn xã.

3. Hạ tầng kỹ thuật

- Bổ sung, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong nội bộ các cơ quan: trang thiết bị công nghệ thông tin; hạ tầng mạng LAN; mạng Internet tốc độ cao;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng cho triển khai ứng dụng các nền tảng số.
- Duy trì hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh đảm bảo hoạt động ổn định, thông suốt.

- Duy trì Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn xã để khai thác các hệ thống thông tin dùng chung phục vụ công tác chỉ đạo và điều hành...

4. Dữ liệu số

- Tiếp tục phát triển, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước của xã với các cơ quan nhà nước của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện lộ trình chuyển đổi số; số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu dùng chung của ngành, lĩnh vực, tạo lập kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức dữ liệu mở phục vụ xã hội.

5. Nền tảng số

- Ứng dụng các nền tảng số dùng chung xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo để nâng cao chất lượng giải quyết công việc của cán bộ, công chức.

6. Nhân lực số

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên hình thức bồi dưỡng trực tuyến qua Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (MOOCs) để cán bộ, công chức, viên chức có thể truy cập và học mọi lúc, mọi nơi, không làm gián đoạn thực hiện công việc hàng ngày.

- Cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn trực tiếp, trực tuyến do tỉnh, trung ương tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng chuyển đổi số.

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen sử dụng các hình thức truyền thống sang hình thức sử dụng các nền tảng số, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin trong các giao dịch điện tử của người dân, doanh nghiệp.

7. An toàn thông tin mạng

- Tổ chức triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ; phổ biến, quán triệt nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ về trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin phù hợp với quy định.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Rà soát, bổ sung nhân lực an toàn thông tin, bảo đảm mỗi cơ quan, đơn vị có tối thiểu 01 cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin được tập huấn về an toàn thông tin.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố.

8. Phát triển Chính quyền số

- Sử dụng hiệu quả, thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin dùng chung: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thư điện tử công vụ, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh,... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng

- Triển khai quyết liệt các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến. Tiếp tục triển khai tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Thực hiện cập nhật dữ liệu thường xuyên Kho dữ liệu cho cá nhân, tổ chức trên hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh giúp người dân, tổ chức thực hiện các dịch vụ công trực tuyến nhanh hơn, thông tin, dữ liệu dễ dàng được tham chiếu, kiểm chứng, người dân không phải cung cấp lại thông tin nhiều lần cho cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục duy trì việc đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

9. Phát triển Kinh tế số

- Thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn xã, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trải nghiệm, sử dụng các nền tảng số.

- Tiếp tục triển khai việc sử dụng hóa đơn điện tử và thuế điện tử tới toàn thể doanh nghiệp trên địa bàn.

- Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn xã triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (Viettel Money, VNPT Money...)

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho mọi người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội.

- Ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và cơ sở y tế trong xã theo hướng dẫn của tỉnh.

10. Phát triển Xã hội số

- Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về các lợi ích đem lại khi ứng dụng các nền tảng số trong mọi mặt kinh tế - xã hội. Đưa vào đào tạo ứng dụng kỹ năng số trong giáo dục phổ thông, phổ cập kỹ năng số cho người dân trên các ứng dụng trực tuyến, chú trọng ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực xã hội: giáo dục, y tế, giao thông, môi trường.

- Hướng dẫn người dân sử dụng các ứng dụng trực tuyến như Nền tảng học trực tuyến mở đại trà để tiếp cận, học tập, phát triển, ứng dụng các kỹ năng số trong mọi mặt đời sống xã hội.

- Đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, tiêu biểu như: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Mua sắm trực tuyến gắn với bảo vệ dữ liệu cá nhân; Thanh toán trực tuyến an toàn; Tự bảo vệ mình trên không gian mạng; Sử dụng nền tảng số đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, Y tế, Giáo dục,...

III. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trong cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân với nhiều hình thức tuyên truyền như: xây dựng chuyên trang, chuyên mục, trang mạng xã hội, phóng sự truyền thanh truyền hình và các giải pháp truyền thông hiện đại để tuyên truyền rộng rãi các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT; nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số cho người dân, tạo điều kiện tiếp cận các dịch vụ số; đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy trong trường học; xây dựng, ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân, doanh nghiệp.

2. Giải pháp tổ chức, triển khai

- Tăng cường hoạt động Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, theo dõi, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chung về chuyển đổi số.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, phát huy tối đa vai trò quản lý nhà nước, tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục kiện toàn và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin về đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống tấn công mạng, ứng cứu sự cố an ninh mạng tại cơ quan, đơn vị.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn ngân sách nhà nước năm 2026. Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định phân cấp ngân sách, tăng cường lồng ghép với các đề án, chương trình, kế hoạch liên quan đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

V. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Xã hội

- Có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; định kỳ 6 tháng tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn xã.

- Tham mưu UBND xã xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế địa phương.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong xã về chuyển đổi số.

2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động Công Thông tin điện tử xã.

- Tham mưu UBND xã ban hành Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng nội bộ cơ quan.

3. Phòng Kinh tế

Tham mưu UBND xã bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định.

4. Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Tham mưu UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo đạt tỷ lệ 100%, và đạt yêu cầu tinh gọn.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, cơ quan, đơn vị trong việc rà soát lại các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã; phối hợp nâng cao hiệu quả hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin thuộc UBND xã.

- Chủ động tham mưu UBND xã có các giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thiết thực, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng ban, cơ quan đơn vị liên quan nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

5. Công an xã

Chủ trì, phối hợp các phòng ban, cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06.

6. Các đơn vị trực thuộc UBND xã

- Căn cứ tình hình cụ thể và danh mục các nhiệm vụ ban hành kèm theo kế hoạch này, chủ động phối hợp và đưa các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số gắn với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ gửi về UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để theo dõi, tổng hợp.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch đã xây dựng, định kỳ hàng tháng, quý, năm hoặc đột xuất (*khi có yêu cầu*) báo cáo UBND xã tình hình thực hiện theo quy định.

7. Trung tâm Dịch vụ tổng hợp

Chủ trì, phối hợp các đơn vị xây dựng nội dung tuyên truyền trực quan, mở chuyên mục, chuyên đề, các tin, bài viết, về chuyển đổi số để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng.

8. Đề nghị Các doanh nghiệp Bưu chính, viễn thông phụ trách địa bàn xã

- Tuyên truyền, triển khai việc cung cấp Chữ ký số miễn phí cho người dân trên địa bàn xã để ký số trên hồ sơ khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; đặt hình ảnh QR code hướng dẫn người dân cài đặt Chữ ký số tại các cơ quan, đơn vị phù hợp với điều kiện thực tế;

- Chủ trì đề xuất các phương thức hỗ trợ người dân, doanh nghiệp đăng ký, sử dụng các dịch vụ như: Hóa đơn điện tử, Phần mềm quản lý bán hàng, các nền tảng dịch vụ thanh toán số, Camera thông minh, cảnh báo cháy sớm, ...

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số xã Nguyễn Du năm 2026. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, có khó khăn vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, kịp thời báo cáo UBND xã (*qua Phòng Văn hóa - Xã hội*) để được hướng dẫn, thống nhất cách giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- LĐ UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VHXXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Văn Thoại

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ XÃ NGUYỄN DU NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 05 /KH-UBND ngày 05/01/2026 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Du)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
1.	Xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị	Phòng VHXX; các đơn vị trực thuộc UBND xã	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
2.	Bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hạ tầng kỹ thuật (máy tính, máy in, thiết bị mạng...)	Phòng kinh tế	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
3.	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, tuyên truyền cho CBCCVV và người dân về chuyển đổi số	Phòng VHXX	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
4.	Xây dựng, phát triển đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông	Phòng VHXX	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
5.	Ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục	Các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
6.	100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã	
7.	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại xã đạt 80%	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã	
8.	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết bằng hình thức trực tuyến toàn trình đạt từ 80% trở lên (đối với các thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến toàn trình); tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính	Trung tâm PVHCC	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã

9.	100% Kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Trung tâm PVHCC	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
10.	100% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Trung tâm PVHCC	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
11.	Cổng thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ	Trung tâm PVHCC; Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng ban, cơ quan, đơn vị của xã
12.	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh đạt 100%	Các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND xã	
13.	Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh triển khai Số sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%	Các cơ sở y tế trực thuộc UBND xã	